

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

Quản lý kế hoạch giảng dạy

-oOo-

Thời khóa biểu đăng ký môn học

Học kỳ 1 - Năm học 2025 - 2026

Lưu ý: mỗi ký tự trong dãy 123456789123456 ...(trong tuần dạy) diễn tả cho 1 tuần lễ. Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ 1 của học kỳ (Tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp nếu có diễn tả tuần thứ 11,21... của học kỳ. Ngày bắt đầu học kỳ: 01/09/2025

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	Sĩ số	Họ và tên	Mã viên chức	Nhóm	Tổ TH	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Mã phòng	Tên lớp	Tuần học
1	813002	Tiếng Trung 2	2	60	Lý Văn Hà	11545	02		3	6	3	2.A005	DAN1241	1234567890-----
2	813002	Tiếng Trung 2	2	60	Lý Văn Hà	11545	03		3	1	3	2.C004	DAN1242	1234567890-----
3	813002	Tiếng Trung 2	2	60	Lý Văn Hà	11545	04		5	1	3	C.A301	DAN1243	1234567890-----
4	813002	Tiếng Trung 2	2	60	Hoàng Quốc	11407	05		3	3	3	C.A302	DAN1244	1234567890-----
5	813002	Tiếng Trung 2	2	60	Hoàng Quốc	11407	06		6	3	3	C.A302	DAN1245	1234567890-----
6	813002	Tiếng Trung 2	2	60	Hoàng Quốc	11407	07		2	3	3	C.A302	DAN1246	1234567890-----
7	813003	Tiếng Trung 3	3	60	Lý Văn Hà	11545	01		5	4	2	C.E103	DAN1231	123456--90123-----
8			3	60	Lý Văn Hà	11545			6	1	2	C.B105	DAN1231	123456--90123-----
9	813003	Tiếng Trung 3	3	60	Hoàng Quốc	11407	02		4	1	2	C.A301	DAN1232	123456--90123-----
10			3	60	Hoàng Quốc	11407			6	1	2	C.E604	DAN1232	123456--90123-----
11	813066	Viết nghiên cứu	3	60	Bùi Diễm Hạnh	10337	01		3	4	2	C.E204	DAN1231	123456--90123-----
12			3	60	Bùi Diễm Hạnh	10337			3	9	2	C.E104	DAN1231	123456--90123-----
13	813066	Viết nghiên cứu	3	60	Nguyễn Thị Hoàng Lan	11674	02		2	6	2	2.B110	DAN1232	123456--90123-----
14			3	60	Nguyễn Thị Hoàng Lan	11674			2	8	2	2.B110	DAN1232	123456--90123-----
15	813066	Viết nghiên cứu	3	60	Phạm Ngọc Diễm	11744	03		2	9	2	C.A303	DAN1233	123456--90123-----
16			3	60	Phạm Ngọc Diễm	11744			3	9	2	C.A304	DAN1233	123456--90123-----
17	813066	Viết nghiên cứu	3	60	Phạm Ngọc Diễm	11744	04		2	6	2	C.E102	DAN1234	123456--90123-----
18			3	60	Phạm Ngọc Diễm	11744			5	9	2	C.B103	DAN1234	123456--90123-----
19	813066	Viết nghiên cứu	3	60	Trần Thế Phi	10761	05		2	1	2	C.A303	DAN1235	123456--90123-----
20			3	60	Trần Thế Phi	10761			4	1	2	C.A303	DAN1235	123456--90123-----
21	813066	Viết nghiên cứu	3	60	Trần Thế Phi	10761	06		3	6	2	C.A302	DAN1236	123456--90123-----
22			3	60	Trần Thế Phi	10761			4	6	2	C.A303	DAN1236	123456--90123-----
23	813075	Phân tích diễn ngôn	2	60	Phạm Ngọc Diễm	11744	02		3	6	3	C.A304	DAN1221	12345678--12-----
24	813075	Phân tích diễn ngôn	2	60	Bùi Diễm Hạnh	10337	03		3	6	3	C.E105	DAN1222	12345678--12-----

Thời khóa biểu đăng ký môn học

Học kỳ 1 - Năm học 2025 - 2026

Lưu ý: mỗi ký tự trong dãy 123456789123456...(trong tuần dạy) diễn tả cho 1 tuần lễ. Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ 1 của học kỳ (Tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp nếu có diễn tả tuần thứ 11,21... của học kỳ. Ngày bắt đầu học kỳ: 01/09/2025

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	Sĩ số	Họ và tên	Mã viên chức	Nhóm	Tổ TH	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Mã phòng	Tên lớp	Tuần học
25	813075	Phân tích điển ngôn	2	60	Bùi Diễm Hạnh	10337	04		3	1	3	C.E204	DAN1223	12345678--12-----
26	813075	Phân tích điển ngôn	2	60	Mai Hoàng Việt	11669	05		2	1	3	2.B110	DAN1224	12345678--12-----
27	813075	Phân tích điển ngôn	2	60	Mai Hoàng Việt	11669	06		2	9	2	2.B101	DAN1225	12345678-----
28			2	60	Mai Hoàng Việt	11669			4	9	2	1.C102	DAN1225	12345678-----
29	813076	Ngôn ngữ học xã hội	2	70	Bùi Diễm Hạnh	10337	02		2	8	3	C.E203	DAN1231	123456--9012-----
30	813076	Ngôn ngữ học xã hội	2	70	Bùi Diễm Hạnh	10337	03		6	8	3	C.A301	DAN1232	123456--9012-----
31	813077	Giao tiếp liên văn hóa	3	60	Phạm Quốc Hưng	11715	02		2	6	2	C.E105	DAN1221	12345678--123-----
32			3	60	Phạm Quốc Hưng	11715			5	9	2	2.B105	DAN1221	12345678--123-----
33	813077	Giao tiếp liên văn hóa	3	60	Đào Lê Trọng Nhân	11729	03		5	4	2	C.E302	DAN1222	12345678--123-----
34			3	60	Đào Lê Trọng Nhân	11729			6	1	2	2.B110	DAN1222	12345678--123-----
35	813077	Giao tiếp liên văn hóa	3	60	Nguyễn Thị Hà	11307	04		4	2	2	1.C202	DAN1223	12345678--123-----
36			3	60	Nguyễn Thị Hà	11307			6	6	2	1.C201	DAN1223	12345678--123-----
37	813077	Giao tiếp liên văn hóa	3	60	Phạm Thùy Ngọc Trang	11125	05		4	2	2	C.E105	DAN1224	12345678--123-----
38			3	60	Phạm Thùy Ngọc Trang	11125			4	4	2	C.E105	DAN1224	12345678--123-----
39	813077	Giao tiếp liên văn hóa	3	60	Phạm Thùy Ngọc Trang	11125	06		3	2	2	1.C201	DAN1225	12345678--123-----
40			3	60	Phạm Thùy Ngọc Trang	11125			3	4	2	1.C201	DAN1225	12345678--123-----
41	813103	Tiếng Pháp 2	2	50	Huỳnh Ngọc Trang	10356	01		4	3	3	C.A303	DAN1241	1234567890-----
42	813305	Ngữ pháp chức năng	2	65	Mai Hoàng Việt	11669	02		3	1	3	C.E102	DAN1221	12345678--12-----
43	813310	Kỹ năng Biên dịch	3	60	Phạm Nguyễn Quang Huy	11638	02		2	4	2	2.B110	DAN1231	123456--90123-----
44			3	60	Phạm Nguyễn Quang Huy	11638			6	4	2	2.B110	DAN1231	123456--90123-----
45	813310	Kỹ năng Biên dịch	3	60	Phạm Nguyễn Quang Huy	11638	03		3	1	2	C.C101	DAN1232	123456--90123-----
46			3	60	Phạm Nguyễn Quang Huy	11638			5	6	2	2.B110	DAN1232	123456--90123-----
47	813310	Kỹ năng Biên dịch	3	60	Đặng Quỳnh Liên	10345	04		3	1	2	C.A302	DAN1233	123456--90123-----
48			3	60	Đặng Quỳnh Liên	10345			5	4	2	C.A303	DAN1233	123456--90123-----
49	813310	Kỹ năng Biên dịch	3	60	Đặng Quỳnh Liên	10345	05		3	4	2	C.E105	DAN1234	123456--90123-----
50			3	60	Đặng Quỳnh Liên	10345			5	1	2	C.B103	DAN1234	123456--90123-----
51	813310	Kỹ năng Biên dịch	3	60	Trần Quang Loan Tuyền	11128	06		3	4	2	C.A301	DAN1235	123456--90123-----
52			3	60	Trần Quang Loan Tuyền	11128			5	1	2	1.C205	DAN1235	123456--90123-----
53	813310	Kỹ năng Biên dịch	3	60	Trần Quang Loan Tuyền	11128	07		2	6	2	1.C202	DAN1236	123456--90123-----

Thời khóa biểu đăng ký môn học

Học kỳ 1 - Năm học 2025 - 2026

Lưu ý: mỗi ký tự trong dãy 123456789123456 ...(trong tuần dạy) diễn tả cho 1 tuần lễ. Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ 1 của học kỳ (Tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp nếu có diễn tả tuần thứ 11,21... của học kỳ. Ngày bắt đầu học kỳ: 01/09/2025

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	Sĩ số	Họ và tên	Mã viên chức	Nhóm	Tổ TH	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Mã phòng	Tên lớp	Tuần học
54	813310	Kỹ năng Biên dịch	3	60	Trần Quang Loan Tuyền	11128	07		5	6	2	1.A102	DAN1236	123456--90123-----
55	813402	Tiếng Hàn 2	2	50	Nguyễn Trâm Anh	20806	01		3	8	3	C.A302	DAN1241	1234567890-----
56	813402	Tiếng Hàn 2	2	50	Nguyễn Trâm Anh	20806	02		3	3	3	C.E303	DAN1242	1234567890-----
57	813404	Nghe - Nói 1	3	60	Phạm Nguyễn Quang Huy	11638	05		5	4	2	2.B102	DAN1251	-234567890-----
58			3	60	Phạm Nguyễn Quang Huy	11638			6	1	3	2.A001	DAN1251	-234567890-----
59	813404	Nghe - Nói 1	3	60	Nguyễn Trung Thảo	10922	06		2	9	2	2.A001	DAN1252	-234567890-----
60			3	60	Nguyễn Trung Thảo	10922			6	3	3	2.A005	DAN1252	-234567890-----
61	813404	Nghe - Nói 1	3	60	Nguyễn Trung Thảo	10922	07		2	6	3	2.A001	DAN1253	-234567890-----
62			3	60	Nguyễn Trung Thảo	10922			6	6	2	2.A002	DAN1253	-234567890-----
63	813404	Nghe - Nói 1	3	60	Lê Thị Vân	11478	08		2	8	3	2.A005	DAN1254	-234567890-----
64			3	60	Lê Thị Vân	11478			4	9	2	2.A005	DAN1254	-234567890-----
65	813404	Nghe - Nói 1	3	60	Lê Thị Vân	11478	09		3	1	3	2.A005	DAN1255	-234567890-----
66			3	60	Lê Thị Vân	11478			4	4	2	2.A001	DAN1255	-234567890-----
67	813407	Nghe - Nói 4	3	65	Đặng Vũ Minh Thư	11503	04		2	4	2	C.E302	DAN1241	123456789-----
68			3	65	Đặng Vũ Minh Thư	11503			3	3	3	2.B102	DAN1241	123456789-----
69	813407	Nghe - Nói 4	3	65	Nguyễn Phạm Phương Khánh	11281	05		4	4	2	C.A304	DAN1242	123456789-----
70			3	65	Nguyễn Phạm Phương Khánh	11281			5	6	3	C.A302	DAN1242	123456789-----
71	813407	Nghe - Nói 4	3	65	Phạm Lê Kim Tuyền	10983	06		3	4	2	1.C105	DAN1243	123456789-----
72			3	65	Phạm Lê Kim Tuyền	10983			4	6	3	1.C201	DAN1243	123456789-----
73	813407	Nghe - Nói 4	3	65	Phạm Quốc Hưng	11715	07		2	4	2	2.A005	DAN1244	123456789-----
74			3	65	Phạm Quốc Hưng	11715			4	1	3	2.A001	DAN1244	123456789-----
75	813407	Nghe - Nói 4	3	65	Phạm Quốc Hưng	11715	08		2	9	2	C.B105	DAN1245	123456789-----
76			3	65	Phạm Quốc Hưng	11715			6	8	3	C.A303	DAN1245	123456789-----
77	813408	Đọc - Viết 1	3	60	Trần Đăng Khôi	11611	05		5	6	2	C.B105	DAN1251	-23456789012-----
78			3	60	Trần Đăng Khôi	11611			6	4	2	2.A001	DAN1251	-23456789012-----
79	813408	Đọc - Viết 1	3	60	Trần Đăng Khôi	11611	06		5	4	2	C.A304	DAN1252	-234567890-----
80			3	60	Trần Đăng Khôi	11611			6	8	3	2.A005	DAN1252	-234567890-----
81	813408	Đọc - Viết 1	3	60	Lê Thị Đài Trang	11234	07		4	3	3	2.A005	DAN1253	-234567890-----
82			3	60	Lê Thị Đài Trang	11234			5	4	2	2.A001	DAN1253	-234567890-----

Thời khóa biểu đăng ký môn học

Học kỳ 1 - Năm học 2025 - 2026

Lưu ý: mỗi ký tự trong dãy 123456789123456...(trong tuần dạy) diễn tả cho 1 tuần lễ. Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ 1 của học kỳ (Tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp nếu có diễn tả tuần thứ 11,21... của học kỳ. Ngày bắt đầu học kỳ: 01/09/2025

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	Sĩ số	Họ và tên	Mã viên chức	Nhóm	Tổ TH	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Mã phòng	Tên lớp	Tuần học
83	813408	Đọc - Viết 1	3	60	Lê Thị Đài Trang	11234	08		5	8	3	2.A001	DAN1254	-234567890-----
84			3	60	Lê Thị Đài Trang	11234			6	6	2	2.B101	DAN1254	-234567890-----
85	813408	Đọc - Viết 1	3	60	Lê Thị Đài Trang	11234	09		3	6	3	1.C203	DAN1255	-234567890-----
86			3	60	Lê Thị Đài Trang	11234			4	9	2	2.B302	DAN1255	-234567890-----
87	813411	Đọc - Viết 4	3	65	Nguyễn Thị Hà	11307	04		5	1	2	1.C202	DAN1241	123456789-----
88			3	65	Nguyễn Thị Hà	11307			6	3	3	1.C201	DAN1241	123456789-----
89	813411	Đọc - Viết 4	3	65	Nguyễn Thị Hoàng Lan	11674	05		4	8	3	C.A302	DAN1242	123456789-----
90			3	65	Nguyễn Thị Hoàng Lan	11674			5	9	2	C.A301	DAN1242	123456789-----
91	813411	Đọc - Viết 4	3	65	Đỗ Tiến Lộc	11476	06		4	1	2	C.B103	DAN1243	123456789-----
92			3	65	Đỗ Tiến Lộc	11476			6	1	3	C.A304	DAN1243	123456789-----
93	813411	Đọc - Viết 4	3	65	Đặng Vũ Minh Thư	11503	07		2	6	3	C.B105	DAN1244	123456789-----
94			3	65	Đặng Vũ Minh Thư	11503			3	6	2	C.A301	DAN1244	123456789-----
95	813411	Đọc - Viết 4	3	65	Đặng Vũ Minh Thư	11503	08		3	1	2	2.B102	DAN1245	123456789-----
96			3	65	Đặng Vũ Minh Thư	11503			4	6	3	C.A304	DAN1245	123456789-----
97	813412	Nhập môn ngôn ngữ học tri nhận	2	65	Mai Hoàng Việt	11669	02		4	6	3	1.C303	DAN1241	1234567890-----
98	813412	Nhập môn ngôn ngữ học tri nhận	2	65	Trần Thế Phi	10761	03		2	6	3	C.A303	DAN1242	1234567890-----
99	813412	Nhập môn ngôn ngữ học tri nhận	2	65	Mai Hoàng Việt	11669	04		2	6	3	2.B101	DAN1243	1234567890-----
100	813413	Ngữ âm - âm vị học	3	60	Võ Đào Vương Cơ	11501	05		3	1	2	1.A102	DAN1251	-234567890-----
101			3	60	Võ Đào Vương Cơ	11501			5	1	3	2.A005	DAN1251	-234567890-----
102	813413	Ngữ âm - âm vị học	3	60	Nguyễn Dương Hoàng Minh	11760	06		3	6	3	2.B101	DAN1252	-234567890-----
103			3	60	Phạm Lê Kim Tuyến	10983			3	6	3	2.B101	DAN1252	-234567890-----
104			3	60	Nguyễn Dương Hoàng Minh	11760			5	6	2	2.B101	DAN1252	-234567890-----
105			3	60	Phạm Lê Kim Tuyến	10983			5	6	2	2.B101	DAN1252	-234567890-----
106	813413	Ngữ âm - âm vị học	3	60	Nguyễn Dương Hoàng Minh	11760	07		3	9	2	2.B101	DAN1253	-234567890-----
107			3	60	Phạm Lê Kim Tuyến	10983			3	9	2	2.B101	DAN1253	-234567890-----
108			3	60	Phạm Lê Kim Tuyến	10983			5	8	3	2.B101	DAN1253	-234567890-----
109			3	60	Nguyễn Dương Hoàng Minh	11760			5	8	3	2.B101	DAN1253	-234567890-----
110	813413	Ngữ âm - âm vị học	3	60	Lê Thị Vân	11478	08		2	6	2	2.A005	DAN1254	-234567890-----
111			3	60	Lê Thị Vân	11478			4	6	3	2.A005	DAN1254	-234567890-----

Thời khóa biểu đăng ký môn học

Học kỳ 1 - Năm học 2025 - 2026

Lưu ý: mỗi ký tự trong dãy 123456789123456...(trong tuần dạy) diễn tả cho 1 tuần lễ. Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ 1 của học kỳ (Tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp nếu có diễn tả tuần thứ 11,21... của học kỳ. Ngày bắt đầu học kỳ: 01/09/2025

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	Sĩ số	Họ và tên	Mã viên chức	Nhóm	Tổ TH	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Mã phòng	Tên lớp	Tuần học
112	813413	Ngữ âm - âm vị học	3	60	Lê Thị Vân	11478	09		2	1	3	2.A005	DAN1255	-234567890-----
113			3	60	Lê Thị Vân	11478			3	4	2	2.A005	DAN1255	-234567890-----
114	813415	Văn học Anh Mỹ	3	60	Đào Lê Trọng Nhân	11729	04		4	1	2	2.B110	DAN1231	123456--90123-----
115			3	60	Đào Lê Trọng Nhân	11729			5	1	2	C.A302	DAN1231	123456--90123-----
116	813415	Văn học Anh Mỹ	3	60	Trương Đức Bình	11029	05		2	4	2	C.E105	DAN1232	123456--90123-----
117			3	60	Trương Đức Bình	11029			5	4	2	C.E105	DAN1232	123456--90123-----
118	813415	Văn học Anh Mỹ	3	60	Hà Nguyễn Tuyết Minh	11318	06		3	4	2	C.E102	DAN1233	123456--90123-----
119			3	60	Hà Nguyễn Tuyết Minh	11318			4	3	2	2.B102	DAN1233	123456--90123-----
120	813415	Văn học Anh Mỹ	3	60	Hà Nguyễn Tuyết Minh	11318	07		3	6	2	2.B104	DAN1234	123456--90123-----
121			3	60	Hà Nguyễn Tuyết Minh	11318			6	1	2	2.B102	DAN1234	123456--90123-----
122	813415	Văn học Anh Mỹ	3	60	Nguyễn Thị Hoàng Lan	11674	08		3	6	2	2.B110	DAN1235	123456--90123-----
123			3	60	Nguyễn Thị Hoàng Lan	11674			5	6	2	C.E105	DAN1235	123456--90123-----
124	813415	Văn học Anh Mỹ	3	60	Nguyễn Thị Hoàng Lan	11674	09		2	4	2	2.B104	DAN1236	123456--90123-----
125			3	60	Nguyễn Thị Hoàng Lan	11674			3	9	2	2.B110	DAN1236	123456--90123-----
126	838074	Quản trị du lịch	3	65	Hà Nguyễn Tuyết Minh	11318	01		5	6	2	2.B102	DAN1221	12345678--123-----
127			3	65	Hà Nguyễn Tuyết Minh	11318			6	6	2	C.A303	DAN1221	12345678--123-----
128	838112	Nghịệp vụ thư ký	2	150	Đặng Thanh Nam	10998	01		6	8	3	C.B107	DAN1221	12345678--12-----
129	838112	Nghịệp vụ thư ký	2	150	Đặng Thanh Nam	10998	02		5	1	3	C.C102	DAN1222	12345678--12-----
130	838303	Tiếng Anh trong thuyết minh du lịch	3	65	Trần Quang Loan Tuyền	11128	02		3	1	2	C.E302	DAN1231	123456--90123-----
131			3	65	Trần Quang Loan Tuyền	11128			5	9	2	1.C205	DAN1231	123456--90123-----
132	838303	Tiếng Anh trong thuyết minh du lịch	3	65	Hà Nguyễn Tuyết Minh	11318	03		3	9	2	2.A001	DAN1232	123456--90123-----
133			3	65	Hà Nguyễn Tuyết Minh	11318			5	9	2	2.B110	DAN1232	123456--90123-----
134	838303	Tiếng Anh trong thuyết minh du lịch	3	65	Hà Nguyễn Tuyết Minh	11318	04		4	1	2	2.B102	DAN1233	123456--90123-----
135			3	65	Hà Nguyễn Tuyết Minh	11318			6	3	2	2.B102	DAN1233	123456--90123-----
136	838303	Tiếng Anh trong thuyết minh du lịch	3	65	Trần Quang Loan Tuyền	11128	05		2	9	2	1.C105	DAN1241	123456789-----
137			3	65	Trần Quang Loan Tuyền	11128			5	3	3	1.A102	DAN1241	123456789-----
138	838303	Tiếng Anh trong thuyết minh du lịch	3	65	Nguyễn Dương Hoàng Minh	11760	06		4	6	2	C.A302	DAN1242	123456789-----
139			3	65	Võ Thụy Thanh Thảo	10710			4	6	2	C.A302	DAN1242	123456789-----
140			3	65	Nguyễn Dương Hoàng Minh	11760			6	6	3	C.A302	DAN1242	123456789-----

Thời khóa biểu đăng ký môn học

Học kỳ 1 - Năm học 2025 - 2026

Lưu ý: mỗi ký tự trong dãy 123456789123456 ...(trong tuần dạy) diễn tả cho 1 tuần lễ. Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ 1 của học kỳ (Tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp nếu có diễn tả tuần thứ 11,21... của học kỳ. Ngày bắt đầu học kỳ: 01/09/2025

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	Sĩ số	Họ và tên	Mã viên chức	Nhóm	Tổ TH	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Mã phòng	Tên lớp	Tuần học
141	838303	Tiếng Anh trong thuyết minh du lịch	3	65	Võ Thụy Thanh Thảo	10710	06		6	6	3	C.A302	DAN1242	123456789-----
142	838303	Tiếng Anh trong thuyết minh du lịch	3	65	Nguyễn Dương Hoàng Minh	11760	07		4	3	3	C.A301	DAN1243	123456789-----
143			3	65	Võ Thụy Thanh Thảo	10710			4	3	3	C.A301	DAN1243	123456789-----
144			3	65	Võ Thụy Thanh Thảo	10710			5	4	2	C.A301	DAN1243	123456789-----
145			3	65	Nguyễn Dương Hoàng Minh	11760			5	4	2	C.A301	DAN1243	123456789-----
146			3	65	Nguyễn Thị Hà	11307			5	6	3	1.C201	DAN1244	123456789-----
147	838303	Tiếng Anh trong thuyết minh du lịch	3	65	Nguyễn Thị Hà	11307	08		6	8	2	1.C201	DAN1244	123456789-----
148	838303	Tiếng Anh trong thuyết minh du lịch	3	65	Nguyễn Thị Hà	11307	09		4	4	2	1.C202	DAN1245	123456789-----
149			3	65	Nguyễn Thị Hà	11307			5	3	3	1.C202	DAN1245	123456789-----
150	838307	Tiếng Anh trong nhà hàng khách sạn	3	60	Phạm Nguyễn Quang Huy	11638	02		2	1	2	2.A002	DAN1231	123456--90123-----
151			3	60	Phạm Nguyễn Quang Huy	11638			4	4	2	2.B110	DAN1231	123456--90123-----
152	838307	Tiếng Anh trong nhà hàng khách sạn	3	60	Phạm Nguyễn Quang Huy	11638	03		3	4	2	C.E604	DAN1232	123456--90123-----
153			3	60	Phạm Nguyễn Quang Huy	11638			4	6	2	C.E501	DAN1232	123456--90123-----
154	838307	Tiếng Anh trong nhà hàng khách sạn	3	60	Nguyễn Trung Thảo	10922	04		2	4	2	2.B102	DAN1233	123456--90123-----
155			3	60	Nguyễn Trung Thảo	10922			6	1	2	2.A005	DAN1233	123456--90123-----
156	838307	Tiếng Anh trong nhà hàng khách sạn	3	60	Nguyễn Trung Thảo	10922	05		2	1	2	2.A101	DAN1234	123456--90123-----
157			3	60	Nguyễn Trung Thảo	10922			6	9	2	2.B102	DAN1234	123456--90123-----
158	838307	Tiếng Anh trong nhà hàng khách sạn	3	60	Nguyễn Hoàng Thanh Tâm	11303	06		2	4	2	C.E203	DAN1235	123456--90123-----
159			3	60	Nguyễn Hoàng Thanh Tâm	11303			6	4	2	1.A102	DAN1235	123456--90123-----
160	838307	Tiếng Anh trong nhà hàng khách sạn	3	60	Nguyễn Hoàng Thanh Tâm	11303	07		3	4	2	1.C202	DAN1236	123456--90123-----
161			3	60	Nguyễn Hoàng Thanh Tâm	11303			5	4	2	1.C105	DAN1236	123456--90123-----
162	838307	Tiếng Anh trong nhà hàng khách sạn	3	65	Đặng Ngọc Bảo Hiền	11502	08		2	6	3	1.C105	DAN1241	123456789-----
163			3	65	Đặng Ngọc Bảo Hiền	11502			6	1	2	1.C101	DAN1241	123456789-----
164	838307	Tiếng Anh trong nhà hàng khách sạn	3	65	Lê Thị Vân	11478	09		3	9	2	1.C103	DAN1242	123456789-----
165			3	65	Lê Thị Vân	11478			5	1	3	C.A303	DAN1242	123456789-----
166	838307	Tiếng Anh trong nhà hàng khách sạn	3	65	Lê Thị Vân	11478	10		2	4	2	2.A001	DAN1243	123456789-----
167			3	65	Lê Thị Vân	11478			5	6	3	2.A005	DAN1243	123456789-----
168	838309	PPNC khoa học trong ngành Ngôn ngữ Anh	2	65	Phạm Ngọc Diễm	11744	02		5	6	3	C.A301	DAN1241	1234567890-----

Thời khóa biểu đăng ký môn học

Học kỳ 1 - Năm học 2025 - 2026

Lưu ý: mỗi ký tự trong dãy 123456789123456...(trong tuần dạy) diễn tả cho 1 tuần lễ. Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ 1 của học kỳ (Tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp nếu có diễn tả tuần thứ 11,21... của học kỳ. Ngày bắt đầu học kỳ: 01/09/2025

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	Sĩ số	Họ và tên	Mã viên chức	Nhóm	Tổ TH	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Mã phòng	Tên lớp	Tuần học
169	838309	PPNC khoa học trong ngành Ngôn ngữ Anh	2	65	Trịnh Thu Hương	11776	03		3	6	3	1.A102	DAN1242	1234567890-----
170	838309	PPNC khoa học trong ngành Ngôn ngữ Anh	2	65	Nguyễn Thị Hoàng Lan	11674	04		2	1	3	2.A001	DAN1243	1234567890-----
171	838309	PPNC khoa học trong ngành Ngôn ngữ Anh	2	65	Trịnh Thu Hương	11776	05		4	6	3	1.A102	DAN1244	1234567890-----
172	838309	PPNC khoa học trong ngành Ngôn ngữ Anh	2	65	Nguyễn Thị Hoàng Lan	11674	06		3	3	3	2.B110	DAN1245	1234567890-----
173	838403	Thực tế chuyên môn 2	3	350			01		0	0	5		DAN1231	
174	838406	Quản trị sự kiện	3	65	Mai Kim Tuyền	11653	01		2	9	2	C.E201	DAN1221	12345678--123-----
175			3	65	Mai Kim Tuyền	11653			4	9	2	C.E102	DAN1221	12345678--123-----
176	838406	Quản trị sự kiện	3	90	Mai Kim Tuyền	11653	02		3	9	2	C.C107	DAN1222	12345678--123-----
177			3	90	Mai Kim Tuyền	11653			5	9	2	C.C105	DAN1222	12345678--123-----
178	838407	Địa lý du lịch	3	60	Đào Lê Trọng Nhân	11729	01		4	4	2	2.B104	DAN1221	12345678--123-----
179			3	60	Đào Lê Trọng Nhân	11729			6	4	2	2.B101	DAN1221	12345678--123-----
180	838407	Địa lý du lịch	3	60	Đặng Ngọc Bảo Hiền	11502	02		2	9	2	1.C201	DAN1222	12345678--123-----
181			3	60	Đặng Ngọc Bảo Hiền	11502			4	9	2	C.B106	DAN1222	12345678--123-----
182	838407	Địa lý du lịch	3	60	Đặng Ngọc Bảo Hiền	11502	03		3	6	2	2.B102	DAN1223	12345678--123-----
183			3	60	Đặng Ngọc Bảo Hiền	11502			3	8	2	2.B102	DAN1223	12345678--123-----
184	838407	Địa lý du lịch	3	60	Phạm Lê Kim Tuyền	10983	04		5	2	2	1.C201	DAN1224	12345678--123-----
185			3	60	Phạm Lê Kim Tuyền	10983			5	4	2	1.C201	DAN1224	12345678--123-----
186	838407	Địa lý du lịch	3	60	Phạm Lê Kim Tuyền	10983	05		4	2	2	1.C201	DAN1225	12345678--123-----
187			3	60	Phạm Lê Kim Tuyền	10983			4	4	2	1.C201	DAN1225	12345678--123-----
188	838502	Văn hóa các nước nói tiếng Anh	3	60	Trịnh Thu Hương	11776	05		3	3	3	1.A102	DAN1251	-234567890-----
189			3	60	Trịnh Thu Hương	11776			4	9	2	1.A102	DAN1251	-234567890-----
190	838502	Văn hóa các nước nói tiếng Anh	3	60	Đào Lê Trọng Nhân	11729	06		4	8	3	2.A001	DAN1252	-234567890-----
191			3	60	Đào Lê Trọng Nhân	11729			6	6	2	2.A005	DAN1252	-234567890-----
192	838502	Văn hóa các nước nói tiếng Anh	3	60	Đào Lê Trọng Nhân	11729	07		4	6	2	2.A001	DAN1253	-234567890-----
193			3	60	Đào Lê Trọng Nhân	11729			6	8	3	2.A002	DAN1253	-234567890-----
194	838502	Văn hóa các nước nói tiếng Anh	3	60	Võ Đào Vương Cơ	11501	08		3	6	3	2.A001	DAN1254	-234567890-----
195			3	60	Võ Đào Vương Cơ	11501			6	4	2	2.B104	DAN1254	-234567890-----

Thời khóa biểu đăng ký môn học

Học kỳ 1 - Năm học 2025 - 2026

Lưu ý: mỗi ký tự trong dãy 123456789123456...(trong tuần dạy) diễn tả cho 1 tuần lễ. Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ 1 của học kỳ (Tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp nếu có diễn tả tuần thứ 11,21... của học kỳ. Ngày bắt đầu học kỳ: 01/09/2025

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	Sĩ số	Họ và tên	Mã viên chức	Nhóm	Tổ TH	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Mã phòng	Tên lớp	Tuần học
196	838502	Văn hóa các nước nói tiếng Anh	3	60	Võ Đào Vương Cơ	11501	09		5	4	2	2.A005	DAN1255	-234567890-----
197			3	60	Võ Đào Vương Cơ	11501			6	1	3	2.B101	DAN1255	-234567890-----
198	861301	Triết học Mác - Lênin	3	160	Nguyễn Thị Hương Giang	11206	18		2	9	2	C.E503	DAN1251	-234567890-----
199			3	160	Nguyễn Thị Hương Giang	11206			4	1	3	C.E603	DAN1251	-234567890-----
200	861301	Triết học Mác - Lênin	3	160	Trần Thị Tươi	11460	19		6	6	2	1.B101	DAN1251	-234567890-----
201			3	160	Trần Thị Tươi	11460			7	1	3	1.B102	DAN1251	-234567890-----
202	862409	Giáo dục quốc phòng và an ninh IV	4	80	Đỗ Hữu Dự	11602	20		2	1	5	4.S_QP03	DAN1231	-----7-----
203			4	80	Đỗ Hữu Dự	11602			2	6	5	4.S_QP03	DAN1231	-----7-----
204			4	80	Đỗ Hữu Dự	11602			3	1	5	4.S_QP03	DAN1231	-----7-----
205			4	80	Đỗ Hữu Dự	11602			3	6	5	4.S_QP03	DAN1231	-----7-----
206			4	80	Đỗ Hữu Dự	11602			4	1	5	4.S_QP03	DAN1231	-----7-----
207			4	80	Đỗ Hữu Dự	11602			4	6	5	4.S_QP03	DAN1231	-----7-----
208			4	80	Đỗ Hữu Dự	11602			5	1	5	4.S_QP03	DAN1231	-----7-----
209			4	80	Đỗ Hữu Dự	11602			5	6	5	4.S_QP03	DAN1231	-----7-----
210			4	80	Đỗ Hữu Dự	11602			6	1	5	4.S_QP03	DAN1231	-----7-----
211			4	80	Đỗ Hữu Dự	11602			6	6	5	4.S_QP03	DAN1231	-----7-----
212			4	80	Đỗ Hữu Dự	11602			7	1	5	4.S_QP03	DAN1231	-----7-----
213			4	80	Đỗ Hữu Dự	11602			7	6	5	4.S_QP03	DAN1231	-----7-----
214	862409	Giáo dục quốc phòng và an ninh IV	4	80	Phạm Anh Vĩnh	11727	21		2	1	5	4.S_QP04	DAN1231	-----7-----
215			4	80	Phạm Anh Vĩnh	11727			2	6	5	4.S_QP04	DAN1231	-----7-----
216			4	80	Phạm Anh Vĩnh	11727			3	1	5	4.S_QP04	DAN1231	-----7-----
217			4	80	Phạm Anh Vĩnh	11727			3	6	5	4.S_QP04	DAN1231	-----7-----
218			4	80	Phạm Anh Vĩnh	11727			4	1	5	4.S_QP04	DAN1231	-----7-----
219			4	80	Phạm Anh Vĩnh	11727			4	6	5	4.S_QP04	DAN1231	-----7-----
220			4	80	Phạm Anh Vĩnh	11727			5	1	5	4.S_QP04	DAN1231	-----7-----
221			4	80	Phạm Anh Vĩnh	11727			5	6	5	4.S_QP04	DAN1231	-----7-----
222			4	80	Phạm Anh Vĩnh	11727			6	1	5	4.S_QP04	DAN1231	-----7-----
223			4	80	Phạm Anh Vĩnh	11727			6	6	5	4.S_QP04	DAN1231	-----7-----
224			4	80	Phạm Anh Vĩnh	11727			7	1	5	4.S_QP04	DAN1231	-----7-----

Thời khóa biểu đăng ký môn học

Học kỳ 1 - Năm học 2025 - 2026

Lưu ý: mỗi ký tự trong dãy 123456789123456 ...(trong tuần dạy) diễn tả cho 1 tuần lễ. Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ 1 của học kỳ (Tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp nếu có diễn tả tuần thứ 11,21... của học kỳ. Ngày bắt đầu học kỳ: 01/09/2025

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	Sĩ số	Họ và tên	Mã viên chức	Nhóm	Tổ TH	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Mã phòng	Tên lớp	Tuần học
225	862409	Giáo dục quốc phòng và an ninh IV	4	80	Phạm Anh Vĩnh	11727	21		7	6	5	4.S_QP04	DAN1231	-----7-----
226	862409	Giáo dục quốc phòng và an ninh IV	4	80	Nguyễn Văn Úy	11746	22		2	1	5	4.S-QP05	DAN1232	-----7-----
227			4	80	Nguyễn Văn Úy	11746			2	6	5	4.S-QP05	DAN1232	-----7-----
228			4	80	Nguyễn Văn Úy	11746			3	1	5	4.S-QP05	DAN1232	-----7-----
229			4	80	Nguyễn Văn Úy	11746			3	6	5	4.S-QP05	DAN1232	-----7-----
230			4	80	Nguyễn Văn Úy	11746			4	1	5	4.S-QP05	DAN1232	-----7-----
231			4	80	Nguyễn Văn Úy	11746			4	6	5	4.S-QP05	DAN1232	-----7-----
232			4	80	Nguyễn Văn Úy	11746			5	1	5	4.S-QP05	DAN1232	-----7-----
233			4	80	Nguyễn Văn Úy	11746			5	6	5	4.S-QP05	DAN1232	-----7-----
234			4	80	Nguyễn Văn Úy	11746			6	1	5	4.S-QP05	DAN1232	-----7-----
235			4	80	Nguyễn Văn Úy	11746			6	6	5	4.S-QP05	DAN1232	-----7-----
236			4	80	Nguyễn Văn Úy	11746			7	1	5	4.S-QP05	DAN1232	-----7-----
237			4	80	Nguyễn Văn Úy	11746			7	6	5	4.S-QP05	DAN1232	-----7-----
238	862409	Giáo dục quốc phòng và an ninh IV	4	80	Đào Công Nghĩa	10784	23		2	1	5	4.S_QP01	DAN1233	-----8-----
239			4	80	Đào Công Nghĩa	10784			2	6	5	4.S_QP01	DAN1233	-----8-----
240			4	80	Đào Công Nghĩa	10784			3	1	5	4.S_QP01	DAN1233	-----8-----
241			4	80	Đào Công Nghĩa	10784			3	6	5	4.S_QP01	DAN1233	-----8-----
242			4	80	Đào Công Nghĩa	10784			4	1	5	4.S_QP01	DAN1233	-----8-----
243			4	80	Đào Công Nghĩa	10784			4	6	5	4.S_QP01	DAN1233	-----8-----
244			4	80	Đào Công Nghĩa	10784			5	1	5	4.S_QP01	DAN1233	-----8-----
245			4	80	Đào Công Nghĩa	10784			5	6	5	4.S_QP01	DAN1233	-----8-----
246			4	80	Đào Công Nghĩa	10784			6	1	5	4.S_QP01	DAN1233	-----8-----
247			4	80	Đào Công Nghĩa	10784			6	6	5	4.S_QP01	DAN1233	-----8-----
248			4	80	Đào Công Nghĩa	10784			7	1	5	4.S_QP01	DAN1233	-----8-----
249			4	80	Đào Công Nghĩa	10784			7	6	5	4.S_QP01	DAN1233	-----8-----
250	862409	Giáo dục quốc phòng và an ninh IV	4	80	Huỳnh Vạng Phước	11650	24		2	1	5	4.S_QP02	DAN1234	-----8-----
251			4	80	Huỳnh Vạng Phước	11650			2	6	5	4.S_QP02	DAN1234	-----8-----
252			4	80	Huỳnh Vạng Phước	11650			3	1	5	4.S_QP02	DAN1234	-----8-----
253			4	80	Huỳnh Vạng Phước	11650			3	6	5	4.S_QP02	DAN1234	-----8-----

Thời khóa biểu đăng ký môn học

Học kỳ 1 - Năm học 2025 - 2026

Lưu ý: mỗi ký tự trong dãy 123456789123456...(trong tuần dạy) diễn tả cho 1 tuần lễ. Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ 1 của học kỳ (Tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp nếu có diễn tả tuần thứ 11,21... của học kỳ. Ngày bắt đầu học kỳ: 01/09/2025

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	Sĩ số	Họ và tên	Mã viên chức	Nhóm	Tổ TH	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Mã phòng	Tên lớp	Tuần học
254	862409	Giáo dục quốc phòng và an ninh IV	4	80	Huỳnh Vạng Phước	11650	24		4	1	5	4.S_QP02	DAN1234	-----8-----
255			4	80	Huỳnh Vạng Phước	11650			4	6	5	4.S_QP02	DAN1234	-----8-----
256			4	80	Huỳnh Vạng Phước	11650			5	1	5	4.S_QP02	DAN1234	-----8-----
257			4	80	Huỳnh Vạng Phước	11650			5	6	5	4.S_QP02	DAN1234	-----8-----
258			4	80	Huỳnh Vạng Phước	11650			6	1	5	4.S_QP02	DAN1234	-----8-----
259			4	80	Huỳnh Vạng Phước	11650			6	6	5	4.S_QP02	DAN1234	-----8-----
260			4	80	Huỳnh Vạng Phước	11650			7	1	5	4.S_QP02	DAN1234	-----8-----
261			4	80	Huỳnh Vạng Phước	11650			7	6	5	4.S_QP02	DAN1234	-----8-----
262	862409	Giáo dục quốc phòng và an ninh IV	4	80	Trần Văn Diện	11756	25		2	1	5	4.S_QP03	DAN1235	-----8-----
263			4	80	Trần Văn Diện	11756			2	6	5	4.S_QP03	DAN1235	-----8-----
264			4	80	Trần Văn Diện	11756			3	1	5	4.S_QP03	DAN1235	-----8-----
265			4	80	Trần Văn Diện	11756			3	6	5	4.S_QP03	DAN1235	-----8-----
266			4	80	Trần Văn Diện	11756			4	1	5	4.S_QP03	DAN1235	-----8-----
267			4	80	Trần Văn Diện	11756			4	6	5	4.S_QP03	DAN1235	-----8-----
268			4	80	Trần Văn Diện	11756			5	1	5	4.S_QP03	DAN1235	-----8-----
269			4	80	Trần Văn Diện	11756			5	6	5	4.S_QP03	DAN1235	-----8-----
270			4	80	Trần Văn Diện	11756			6	1	5	4.S_QP03	DAN1235	-----8-----
271			4	80	Trần Văn Diện	11756			6	6	5	4.S_QP03	DAN1235	-----8-----
272			4	80	Trần Văn Diện	11756			7	1	5	4.S_QP03	DAN1235	-----8-----
273			4	80	Trần Văn Diện	11756			7	6	5	4.S_QP03	DAN1235	-----8-----
274	862409	Giáo dục quốc phòng và an ninh IV	4	80	Đỗ Hữu Dự	11602	26		2	1	5	4.S_QP04	DAN1236	-----8-----
275			4	80	Đỗ Hữu Dự	11602			2	6	5	4.S_QP04	DAN1236	-----8-----
276			4	80	Đỗ Hữu Dự	11602			3	1	5	4.S_QP04	DAN1236	-----8-----
277			4	80	Đỗ Hữu Dự	11602			3	6	5	4.S_QP04	DAN1236	-----8-----
278			4	80	Đỗ Hữu Dự	11602			4	1	5	4.S_QP04	DAN1236	-----8-----
279			4	80	Đỗ Hữu Dự	11602			4	6	5	4.S_QP04	DAN1236	-----8-----
280			4	80	Đỗ Hữu Dự	11602			5	1	5	4.S_QP04	DAN1236	-----8-----
281			4	80	Đỗ Hữu Dự	11602			5	6	5	4.S_QP04	DAN1236	-----8-----
282			4	80	Đỗ Hữu Dự	11602			6	1	5	4.S_QP04	DAN1236	-----8-----

Thời khóa biểu đăng ký môn học

Học kỳ 1 - Năm học 2025 - 2026

Lưu ý: mỗi ký tự trong dãy 123456789123456...(trong tuần dạy) diễn tả cho 1 tuần lễ. Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ 1 của học kỳ (Tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp nếu có diễn tả tuần thứ 11,21... của học kỳ. Ngày bắt đầu học kỳ: 01/09/2025

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	Sĩ số	Họ và tên	Mã viên chức	Nhóm	Tổ TH	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Mã phòng	Tên lớp	Tuần học
283	862409	Giáo dục quốc phòng và an ninh IV	4	80	Đỗ Hữu Dự	11602	26		6	6	5	4.S_QP04	DAN1236	-----8-----
284			4	80	Đỗ Hữu Dự	11602			7	1	5	4.S_QP04	DAN1236	-----8-----
285			4	80	Đỗ Hữu Dự	11602			7	6	5	4.S_QP04	DAN1236	-----8-----
286	862409	Giáo dục quốc phòng và an ninh IV	4	80	Phạm Anh Vĩnh	11727	27		2	1	5	4.S-QP05	DAN1232	-----8-----
287			4	80	Phạm Anh Vĩnh	11727			2	6	5	4.S-QP05	DAN1232	-----8-----
288			4	80	Phạm Anh Vĩnh	11727			3	1	5	4.S-QP05	DAN1232	-----8-----
289			4	80	Phạm Anh Vĩnh	11727			3	6	5	4.S-QP05	DAN1232	-----8-----
290			4	80	Phạm Anh Vĩnh	11727			4	1	5	4.S-QP05	DAN1232	-----8-----
291			4	80	Phạm Anh Vĩnh	11727			4	6	5	4.S-QP05	DAN1232	-----8-----
292			4	80	Phạm Anh Vĩnh	11727			5	1	5	4.S-QP05	DAN1232	-----8-----
293			4	80	Phạm Anh Vĩnh	11727			5	6	5	4.S-QP05	DAN1232	-----8-----
294			4	80	Phạm Anh Vĩnh	11727			6	1	5	4.S-QP05	DAN1232	-----8-----
295			4	80	Phạm Anh Vĩnh	11727			6	6	5	4.S-QP05	DAN1232	-----8-----
296			4	80	Phạm Anh Vĩnh	11727			7	1	5	4.S-QP05	DAN1232	-----8-----
297			4	80	Phạm Anh Vĩnh	11727			7	6	5	4.S-QP05	DAN1232	-----8-----
298	862409	Giáo dục quốc phòng và an ninh IV	4	80	Nguyễn Văn Úy	11746	28		2	1	5	4.S-QP06	DAN1231	-----8-----
299			4	80	Nguyễn Văn Úy	11746			2	6	5	4.S-QP06	DAN1231	-----8-----
300			4	80	Nguyễn Văn Úy	11746			3	1	5	4.S-QP06	DAN1231	-----8-----
301			4	80	Nguyễn Văn Úy	11746			3	6	5	4.S-QP06	DAN1231	-----8-----
302			4	80	Nguyễn Văn Úy	11746			4	1	5	4.S-QP06	DAN1231	-----8-----
303			4	80	Nguyễn Văn Úy	11746			4	6	5	4.S-QP06	DAN1231	-----8-----
304			4	80	Nguyễn Văn Úy	11746			5	1	5	4.S-QP06	DAN1231	-----8-----
305			4	80	Nguyễn Văn Úy	11746			5	6	5	4.S-QP06	DAN1231	-----8-----
306			4	80	Nguyễn Văn Úy	11746			6	1	5	4.S-QP06	DAN1231	-----8-----
307			4	80	Nguyễn Văn Úy	11746			6	6	5	4.S-QP06	DAN1231	-----8-----
308			4	80	Nguyễn Văn Úy	11746			7	1	5	4.S-QP06	DAN1231	-----8-----
309			4	80	Nguyễn Văn Úy	11746			7	6	5	4.S-QP06	DAN1231	-----8-----
310	865001	Tiếng Việt thực hành	2	150	Trần Thanh Bình	10835	03		7	1	3	C.C105	DAN1254,DAN1255,DAN1253	-2345678901-----

Thời khóa biểu đăng ký môn học

Học kỳ 1 - Năm học 2025 - 2026

Lưu ý: mỗi ký tự trong dãy 123456789123456 ...(trong tuần dạy) diễn tả cho 1 tuần lễ. Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ 1 của học kỳ (Tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp nếu có diễn tả tuần thứ 11,21... của học kỳ. Ngày bắt đầu học kỳ: 01/09/2025

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	Sĩ số	Họ và tên	Mã viên chức	Nhóm	Tổ TH	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Mã phòng	Tên lớp	Tuần học
311	865001	Tiếng Việt thực hành	2	150	Phạm Kim Oanh	10250	06		2	3	3	C.C102	DAN1251,DAN1252	-2345678901-----

Ngày.....tháng.....năm.....

Người lập biểu